TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21- 11-2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Giang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Văn Thiệu
2. Ông Bùi Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình *(có mặt tại phiên toà).*

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình *(vắng mặt tại phiên toà).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày: Chị và anh Bùi Văn T đăng ký kết hôn ngày 31/03/2020 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc. Nhưng từ năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, không có con chung; anh T không chăm lo tới cuộc sống chung của vợ chồng và kinh tế gia đình; chị M và anh T đã sống ly thân từ 2023 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị Bùi Thị M yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh về sự có, vắng mặt tại nơi cư trú của anh T thể hiện anh T có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú tại xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình, nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú do đi làm ăn xa, có thông báo cho chính quyền địa phương về sự vắng mặt, do vậy Toà án không lấy được ý kiến của anh Bùi Văn T. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 11/04/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn tại chính quyền địa phương nơi chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn T chung sống thể hiện: Chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn T kết hôn năm 2020 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng cụ thể không rõ, hiện chị M và anh T đang sống ly thân.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn chị Bùi Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Tại phiên tòa, chị Bùi Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa, kiểm sát viên Bùi Thị P phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều diễn ra theo đúng trình tự, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn T không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị M.

Về con chung không có, về tài sản, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn Bùi Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn Bùi Văn T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm A, xã T, huyện L. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tống đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tuy nhiên nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án, nên đây là trường hợp

không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Phiên tòa xét xử đã phải hoãn một lần do bị đơn Bùi Văn T vắng mặt không có lý do, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên toà hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt; chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn và đồng ý giải quyết vắng mặt anh T. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn T theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị M và anh T không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, lối sống, không có con chung và hiện đã sống ly thân, không còn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị M là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Xác nhận chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn T không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án.

[5] Án phí: Nguyên đơn Bùi Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị M về việc xin ly hôn; cho chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn T không có con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn Bùi Thị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Bùi Thị M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002241 ngày

08/04/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay không phải nộp thêm nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Thượng Cốc *(Nơi đăng ký kết hôn ngày 31/03/2020);*
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Minh Giang